

Số: 12/2025/DS-ST
Ngày 16/7/2025
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang.

2. Bà Nguyễn Thị Tạc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2025, tại Toà án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 947/2024/TLST-DS ngày 18/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2025/QĐXXST-DS ngày 26/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2025/QĐST-DS ngày 10/6/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 168/2025/QĐST-DS ngày 25/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Đ;

Địa chỉ: **Thôn H, xã L, tỉnh Bắc Ninh.**

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H;

Địa chỉ: A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T (Vắng mặt) và bà Phan Thị T1 (Có mặt);

Địa chỉ: Số A, đường A, buôn E (cũ thuộc xã C), phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q;

Địa chỉ: Số A thôn D (cũ thuộc xã H), xã H, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Người làm chứng: Ông Dương H1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2.

Địa chỉ: Số D đường V, thôn A (cũ thuộc xã C), phường B, tỉnh Đắk Lắk
– Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:**
Vào ngày 26/10/2015 ông Nguyễn Thanh Đ và ông Nguyễn Quốc T có ký giấy nhận tiền mua bán gỗ nhóm 4 (gỗ đầy đủ giấy tờ) là 5m³ với số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng chẵn) số tiền trên ông Đ chuyển vào số tài khoản: 5201205015996 ngân hàng A chủ tài khoản bà Phan Thị T1 vợ ông T.

Từ khi ông Đ chuyển tiền vào tài khoản cho vợ ông T đến nay vợ chồng ông T cũng không thực hiện việc chuyển gỗ cho ông Đ và ông Đ gọi điện thoại nhiều lần cũng không bắt máy, ông Đ nhiều lần tìm ông T yêu cầu không chuyển gỗ cho ông Đ thì chuyển trả lại tiền nhưng hết lần này đến lần khác vợ chồng ông T đều không thực hiện, gần đây nhất vào ngày 13/06/2024 ông Đ có đến nhà ở hiện nay tại số A, đường A, Buôn E, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để gặp ông T và nói chuyện trả tiền cho ông Đ nhưng ông T cũng không trả.

Vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

- Buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh Đ số tiền gốc là 90.000.000 đồng.
- Đối với số tiền bồi thường thiệt hại 55.000.000 đồng buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 bồi thường cho ông Nguyễn Thanh Đ đại diện theo ủy quyền của ông Đ tôi đề nghị Hội đồng xét xử cho tôi được rút đối với yêu cầu này.

*** Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 trình bày:**

Ông T và bà T1 là người được ông Đ đặt mua gỗ tạp nhiều lần trong đó có một lần ông T viết tay là 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, hợp đồng này đã thực hiện xong, số gỗ này mua là không hóa đơn, chứng từ. Lần cuối cùng vào năm 2015 vợ chồng ông T, bà T1 có nhận mua giúp cho ông Đ gỗ trị giá 60.000.0000 đồng của ông H1, bà T2 và ông H1, bà T2 đặt xe khách đưa về cho ông Đ, vì không có hóa đơn nên bị Công an tịch thu số gỗ trên. Sau khi xảy ra sự việc các bên có bàn bạc đi đến thống nhất đền bù cho ông Đ số tiền là 24.500.000 đồng, việc này có sự làm chứng của ông H1, bà T2 ở địa chỉ: Số D đường V (10/3), thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại: 0913436476.

Như vậy, việc khởi kiện của ông Đ là không đúng sự thật đối chiếu với bộ luật dân sự đã hết thời hiệu, thời hạn khởi kiện.

Quan điểm cá nhân của tôi kính đề nghị quý Tòa xem xét trả lại đơn vì hết thời hạn khởi kiện.

*** Quá trình làm việc bị đơn bà Phan Thị T1 trình bày:** Vào năm 2015 vợ chồng tôi có quen biết qua giới thiệu và đã mua bán gỗ với ông Nguyễn Thanh Đ 02 lần. Lần đầu tiên ông Đ đặt mua gỗ của vợ chồng tôi số tiền

90.000.000 đồng như thỏa thuận trong giấy giao nhận tiền mua gỗ mà ông Đ đã cung cấp cho Tòa án. Lần thứ hai ông Đ có chuyển khoản 01 lần nữa cho tôi số tiền khoảng 45-60 triệu đồng (do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ rõ).

Sau mỗi lần ông Đ chuyển tiền cho tôi thì tôi chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Ánh T2 là vợ ông Dương H1 để ông H1 (chủ gỗ) giao hàng cho ông Đ. Đối với lần đặt mua gỗ đầu tiên với số tiền 90.000.000 đồng thì các bên đã thực hiện xong nên vợ chồng tôi không còn nợ ông Đ số tiền 90.000.000 đồng như ông Đ khởi kiện.

Khoảng thời gian sau, đến lần thứ hai sau khi ông Đ chuyển khoản cho tôi số tiền khoảng 45-60 triệu đồng thì tôi cũng chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Ánh T2 là vợ ông Dương H1 để giao hàng cho ông Đ. Tuy nhiên, đợt giao hàng này bị công an bắt tại Thanh Hóa nên không giao hàng cho ông Đ được. Ông Đ có gọi điện thoại cho tôi thì tôi gọi cho chủ gỗ để thỏa thuận thì ông H1 đã bồi thường 17.000.000 đồng và tôi bồi thường 7.500.000 đồng cho ông Đ. Sau đó ông Đ có gọi cho tôi đòi số tiền còn lại nhưng tôi nói hàng bị bắt là rủi ro, tôi là trung gian nên chỉ đồng ý trả 7.500.000 đồng, từ đó đến nay đã quá lâu nên tôi nghĩ sự việc đã được giải quyết xong.

Vì vậy, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng tôi liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh Đ số tiền gốc là 90.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Thanh Đ số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng chẵn) thì vợ chồng tôi không đồng ý. Đề nghị Tòa án áp dụng quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với vụ án trên.

*** Theo bản tự khai ngày 16/7/2025 người làm chứng bà Nguyễn Thị Ánh T2 trình bày:** Vào ngày 26/10/2015 vợ chồng tôi có mua bán gỗ với vợ chồng ông T, bà T1. Vợ chồng tôi có bán gỗ cho vợ chồng anh T hai lần chuyển và chỉ có nhờ vận chuyển một chuyến đầu thì không sao, chuyến thứ hai thì bị bắt mất hàng, số hàng bị mất là khoảng 25 cục giá một cục khoảng 2,2 triệu, trong thời gian đó số hàng khoảng 5 mấy triệu tôi không nhớ chính xác, trong thời gian vận chuyển thì tới tỉnh Thanh Hóa bị kiểm lâm bắt giữ lại và họ thu luôn, sau đó anh T và chị T1 xử lý với chủ thì tôi không rõ, nhưng sau lần đó chủ hàng bên anh T và chị T1 có trực tiếp lấy 1 chuyến sau với vợ chồng tôi và vợ chồng tôi có gửi bớt một số tiền là 17 triệu đồng cho lô trước bị bắt của vợ chồng anh T.

Vậy tôi nhớ bao nhiêu đó tôi đã khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1-Đắc Lắc phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

Buôn Ma Thuột (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ, về việc buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh Đ toàn bộ tổng số tiền mua gỗ 90.000.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đ về việc buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 bồi thường số tiền 55.000.000 đồng

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án ông Nguyễn Thanh Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quốc T bà Phan Thị T1 phải trả số tiền 90.000.000 đồng tiền mua bán gỗ và tại phiên tòa sơ thẩm được đề nghị rút đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 55.000.000 đồng. Theo thông báo thụ lý hồ sơ giải quyết vụ án xác định mối quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng đặt cọc, tuy nhiên nội dung trong giấy thể hiện quan hệ giao dịch giữa các bên là giao dịch về hợp đồng mua bán, quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa các bên đều xác định mối quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về mua bán gỗ, không thể hiện là giao dịch đặt cọc. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể “*Tranh chấp hợp đồng mua bán gỗ*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn – ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy các đương sự cũng như đại diện theo ủy quyền đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật, đều tham gia các buổi làm việc, cũng như phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án;

2.1. Về thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng như đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án. Tuy nhiên, xét thấy tại bản tự khai ngày 14/3/2025 (*bút lục số 28, 27*) ông T, bà T1 đều xác nhận có thỏa thuận việc mua bán gỗ với ông Đ với số tiền là 90.000.000 đồng và thừa nhận sự việc khởi kiện của ông Nguyễn Thanh

Đ do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện sẽ được tính lại và không thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện.

2.2. *Về sự có mặt của người làm chứng:* Đối với người làm chứng ông Dương H1 trong quá trình làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông H1; Đối với bà Nguyễn Thị Ánh T2 trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự ở trên.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 26/10/2015 giữa ông Nguyễn Thanh Đ và ông Nguyễn Quốc T có thỏa thuận giao nhận tiền mua 5m³ gỗ nhóm 4 với số tiền là 90.000.000 đồng, số tiền này đã được ông Đ chuyển khoản vào tài khoản số 5201205015996 tại Ngân hàng A của bà Phan Thị T1 vợ của ông T. Sau khi chuyển tiền vợ chồng ông T, bà T1 không thực hiện việc giao gỗ mặc dù đã được ông Đ đề nghị giao gỗ nhiều lần. Sau khi không thấy vợ chồng ông T, bà T1 chuyển gỗ ông Đ đã tìm gặp vợ chồng ông T, bà T1 đề nghị trả lại tiền mua gỗ nhưng ông T bà T1 cũng không thực hiện việc chuyển trả lại tiền, lần gần nhất ông Đ đề nghị ông T bà T1 trả tiền gần nhất là vào ngày 13/6/2024 nhưng ông T bà T1 cũng không thực hiện việc trả tiền. Do đó, ông Đ yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T1 trả toàn bộ số tiền mua gỗ là 90.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Đ đề nghị được rút đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại 55.000.000 đồng.

Trong quá trình làm việc ông T bà T1 đều xác nhận trong năm 2015 ông Đ có chuyển tiền mua gỗ tổng cộng 02 lần: Lần đầu, chuyển số tiền 90.000.000 đồng và lần 02 chuyển số tiền khoảng từ 45.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng (do đã lâu nên không nhớ). Đối với số tiền lần đầu đã chuyển cho chủ gỗ là ông Dương H1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 và ông H1, bà T2 đã chuyển lô gỗ cho ông Đ nên vợ chồng ông T, bà T1 không còn nợ ông Đ đối với số tiền và mặt hàng gỗ này. Đối với lần 02 khi ông H1, bà T2 chuyển gỗ thì số hàng gỗ bị Công an bắt và thu hồi nên chưa chuyển được cho ông Đ, đây là rủi ro trong làm ăn nên vợ chồng ông T, bà T1 đã chuyển trả lại số tiền cho ông Đ 7.500.000 đồng, bản thân chủ gỗ là ông H1, bà T2 chuyển trả số tiền cho ông Đ là 17.000.000 đồng. Nay việc ông Đ khởi kiện để đòi số tiền 90.000.000 đồng mua bán gỗ lần đầu thì vợ chồng ông T, bà T1 không đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

3.1. *Về khoản nợ:* Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định vào ngày 26/10/2015 giữa ông Nguyễn Thanh Đ và ông Nguyễn Quốc T có thỏa thuận việc mua bán gỗ nhóm 4 với số tiền là 90.000.000 đồng. Trong quá trình làm việc ông Đ bà T1 đều xác nhận có sự việc giao nhận tiền mua bán gỗ 90.000.000 đồng và được ông Đ chuyển tiền trực tiếp số tiền mua gỗ cho bà T1 theo số tài khoản 5201205015996 tại Ngân hàng A của bà Phan Thị T1 vợ của ông T. Như vậy, trên thực tế giữa ông Đ với ông T, bà T1 có xảy ra giao dịch thỏa thuận mua bán gỗ nhóm 4 với lượng gỗ mua là 5m³ tổng giá trị

là 90.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết ông T bà T1 cho rằng mình chỉ là người giới thiệu, chủ gỗ là bà T2 và ông H1 là người trực tiếp chuyển gỗ cho ông Đ, tuy nhiên tại giấy giao nhận tiền mua gỗ được xác lập vào ngày 26/10/2015 chỉ thể hiện việc thỏa thuận mua gỗ, số lượng gỗ và tổng giá trị đều thể hiện giao dịch được thực hiện giữa ông Đ và ông T, tiền được chuyển khoản cho bà T1, không có tài liệu chứng cứ nào xác nhận bà T2 và ông H1 là người mua bán gỗ cho ông Đ. Tại bản sao kê do bà T1 trực tiếp cung cấp cho Tòa án trước khi mở phiên tòa cũng xác định số tiền ông Đ chuyển cho bà T1. Ngoài ra, theo giấy nộp tiền thể hiện ngày 26/10/2015, nộp ngày 29/10/2015, ngày 13/11/2015 do đại diện ủy quyền của nguyên đơn nộp trực tiếp cho Hội đồng xét xử đều xác nhận sự việc nộp tiền vào tài khoản của bà T1, bản thân bà T1, ông T trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa cũng xác định đã nhận đủ số tiền 90.000.000 đồng mua bán gỗ từ ông Đ, như vậy có căn cứ xác định số tiền mua bán gỗ ngày 26/10/2015 giữa ông Đ, ông T, bà T1 đã được ông Đ thanh toán đầy đủ.

Đối với việc bà T1 cho rằng sau khi ông Đ chuyển tiền lần 1 90.000.000 đồng số gỗ đã được giao đầy đủ cho ông Đ, tuy nhiên bà T1 cũng như ông T đều không có căn cứ xác định hay tài liệu gì để chứng minh số gỗ 5m³ đã được bàn giao cho ông Đ, ngoài ra tại bản tự khai xác nhận ngày 16/7/2025 của bà Nguyễn Thị Ánh T2 cũng không có ý kiến nào xác định số gỗ được vận chuyển cho ông Đ. Vì vậy, việc ông Đ khởi kiện để buộc vợ chồng ông T, bà T1 trả toàn bộ số tiền 90.000.000 đồng mua bán gỗ là có căn cứ để chấp nhận.

3.2. Đối với việc bà T1 cho rằng ngoài thực hiện giao dịch mua bán gỗ lần 1 với ông Đ với số tiền 90.000.000 đồng thì bà T1 và ông T còn thực hiện mua bán gỗ lần 2 với ông Đ với số tiền từ 45.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng, sau khi lô gỗ thứ hai chuyển cho ông Đ bị phát hiện và bắt giữ thì đã trả cho ông Đ số tiền 7.500.000 đồng và ông H1, bà T2 chuyển trả 17.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết nguyên đơn không đề nghị xem xét đối với số tiền lần 2 này, mặt khác đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ngoài tranh chấp giao dịch lần 1, các giao dịch trước đó giữa bà T1, ông T với ông Đ đều đã thực hiện xong. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét đối với số tiền lần 2 này.

3.3. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ yêu cầu ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 bồi thường thiệt hại số tiền 55.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị được rút đối với số tiền bồi thường này, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của ông Đ. Xét thấy yêu cầu này là sự tự nguyện của nguyên đơn, cũng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn – ông Nguyễn Thanh Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 3.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012646 ngày 05/11/2024.

Bị đơn – ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả 90.000.000 đồng, cụ thể: 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 207; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 428; Điều 429; Điều 431; Điều 434; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ. Buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh Đ toàn bộ tổng số tiền mua gỗ 90.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đ về việc buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 bồi thường số tiền 55.000.000 đồng.

2. Về án phí:

- Bị đơn – ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T1 phải chịu 4.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn – ông Nguyễn Thanh Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 3.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012646 ngày 05/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl